TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM*** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 31/8/2017
"V/v: *Tranh chấp về ly hôn, yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán chủ tọa phiên tòa***: Bà Danh Thị Kiều Oanh
- ***Các Hội thẩm nhân dân***:
  1. Ông Nguyễn Thanh Tùng
  2. Bà Vũ Thị Đào

- *Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Vũ Ngọc Bé - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017 Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đ- a ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 101/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2017 về việc "*Tranh chấp về ly hôn, yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng*" Theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 30/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/8/2017, giữa các đ- ơng sự:

Nguyên đơn: Anh Võ Thanh P – Sinh năm 1986

Bị đơn: Chị Bùi Thị N – sinh năm 1981

Cả anh P và chị N cùng địa chỉ: ấp N, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 27/3/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn anh Võ Thanh P trình bày nh- sau:

Vào năm 2005 anh và chị Bùi Thị N tự nguyện sống chung với nhau, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Vợ chồng anh sống hạnh phúc từ ngày kết hôn cho đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cá tính hai người không phù hợp nên thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã tự ly thân từ năm 2014 cho đến nay.

Nay anh xét thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và không thể hàn gắn được nữa nên khởi kiện xin ly hôn với Bùi Thị N.

Quá trình chung sống tôi và N có một người con chung tên Võ Bùi Nhật T, sinh ngày 15/8/2006 hiện nay đang sống chung với vợ.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nguyện vọng: Về quan hệ hôn nhân anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị N, về con chung anh đồng ý giao con tên Võ Bùi Nhật T, sinh ngày 15/8/2006 cho chị N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, về tài sản chung và nợ chung không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Bùi Thị N thống nhất toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh P về thời gian sống chung, về con chung, theo lời trình bày của anh P là đúng và thừa nhận trong thời gian sống chung với anh P không có tài sản chung và cũng không có thiếu nợ ai.

Nguyện vọng: Về quan hệ hôn nhân chị đồng ý ly hôn với anh Võ Thanh P, về con chung chị yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cháu Võ Bùi Nhật T, sinh ngày 15/8/2006 và đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con của anh P mỗi tháng bằng 1.000.000đồng, về tài sản chung và nợ chung không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đ- ợc thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục*:* Chị Bùi Thị N là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 179 BLTTDS nhưng chị N vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Võ Thanh P và chị Bùi Thị N tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2005 có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng năm 2005 anh P mới được 19 tuổi là không đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đã được sửa đổi bổ sung năm 2010 "Nam từ hai mươi tuổi trở lên, nữ từ mười tám tuổi trở lên". Trong quá trình chung sống đến khi anh P đủ tuổi kết hôn theo quy định pháp luật nhưng anh chị cũng không thực hiện thủ tục kết hôn là đã vi phạm quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đã được sửa đổi bổ sung năm 2010 cho nên hôn nhân của anh chị không được pháp luật công nhận. Tại thời điểm xét

xử Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đã có hiệu lực nên căn cứ vào Điều 53 và 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Võ Thanh P và chị Bùi Thị N là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Tại biên bản hòa giải ngày 27/4/2017 anh P và chị N đều xác nhận có một người con chung tên Võ Bùi Nhật T, sinh ngày 15/8/2006 hiện nay đang sống chung với chị N. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh P và chị N là anh P đồng ý giao con tên Võ Bùi Nhật T, sinh ngày 15/8/2006 cho chị Bùi Thị N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với thực tế và đúng với nguyện vọng của cháu T. Anh P đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 1.000.000đồng (Một triệu đồng) cho đến khi trưởng thành 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng nuôi con được tính từ ngày 01/10/2017.

[4] Về tài sản chung và nợ chung*:* Anh P và chị N đều xác nhận trong thời gian anh chị sống chung với nhau không có tài sản chung và cũng không có thiếu nợ ai nên anh chị không yêu cầu giải quyết do đó HĐXX không xem xét.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000đồng anh P phải nộp do anh có yêu cầu xin ly hôn.

Án phí cấp dưỡng bằng 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh P phải chịu nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

□p dụng Điều 147, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS; Khoản 1 Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đã được sửa đổi bổ sung năm 2010; Điều 53, khoản 2 Điều 81, 82 và 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Võ Thanh P và chị Bùi Thị N là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh Võ Thanh P và chị Bùi Thị N như sau: Anh Võ Thanh P đồng ý giao con tên Võ Bùi Nhật T, sinh ngày 15/8/2006 cho chị Bùi Thị N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh P đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 1.000.000đồng (Một triệu đồng) cho đến khi cháu T trưởng thành 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng nuôi con được tính từ ngày 01/10/2017.

Khi cần thiết anh chị có quyền yêu cầu xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Không ai có quyền cản trở việc anh Phong tới lui thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

4. Về án phí HNST: Là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh Võ Thanh P phải nộp nh- ng đ- ợc khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp trước đây là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005132 ngày 27/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy anh P đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng bằng 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh P phải chịu nộp.

Báo cho anh P được biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 31/8/2017.

Đối với chị Bùi Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

"Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9, Điều 7, Điều 7a và Điều 7b Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
-Tòa án tỉnh;
-VKS huyện;
-Chi cục THADS huyện;
- UBND xã;
-Các đ- ơng sự;
-L- u hồ sơ.

(Đã ký)

Danh Thị Kiều Oanh